TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 9 - 2020. Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Tàu;
2. Ông Nguyễn Xuân Chí.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mộng Tuyền – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp *"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXX- ST ngày 31 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị K, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt.*

- *Người làm chứng:*

1. Bà B, sinh năm 1960;
2. Chị Y, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Cùng *có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị K, anh T sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, chị K khuyên can nhưng không được. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ giữa năm 2019, chị K đã đưa hai con về phía chị ở thôn M, xã H sống. Từ đó, hai bên tự xa nhau đến nay, không ai quan tâm ai. Nhận thấy tình cảm đã hết nên chị K yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 02 con tên là Q - sinh ngày 16/11/2009 và N – sinh ngày 02/5/2012, hiện do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đồng/tháng/con *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng/con).*

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị K được ly hôn anh T. Về con chung: Giao hai con chung tên Q và N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi các con, số tiền 800.000đ/tháng/con *(Tám trăm nghìn đồng/tháng/con)*. Tài sản chung: Chị K không yêu cầu nên không xét. Nợ chung: Chị K khai không có nợ nên không xét. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị K có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H vào ngày 27/5/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị K khai vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống được nữa nên xin ly hôn.

Xét thấy: Những người làm chứng xác nhận chị K và anh T chung sống có mâu thuẫn là sự thật và từ năm 2019 đến nay, hai bên tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị K, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[3] Về con chung: Xét thấy hai con chung tên là Q - sinh ngày 16/11/2009 và N – sinh ngày 02/5/2012, lâu nay do chị K nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị K. Cháu Q, cháu N đều có nguyện vọng sống cùng chị K. Do đó, để cháu Q, cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, giao hai cháu cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T làm phụ hồ, có sức khỏe, có thu nhập ổn định nên anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Tuy nhiên, chị K yêu cầu mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/con là cao so với thu nhập lao động phổ thông. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề xuất mức cấp dưỡng 800.000đ/tháng/con là phù hợp nên chấp nhận. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của chị K: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi các con số tiền: 800.000đ/tháng/con *(Tám trăm nghìn đồng/tháng/con)*.

[4] Tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung nên không xét.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Anh T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị K được ly hôn anh T.

2. Con chung: Giao hai con chung tên là Q - sinh ngày 16/11/2009 và N – sinh ngày 02/5/2012 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi các con, mỗi tháng là 800.000đồng/con *(Tám trăm nghìn đồng/tháng/con)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: + Chị K phải chịu: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp tại Biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0002015 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa. Như vậy, chị K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh T phải chịu: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Tây Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H (*Chứng nhận kết hôn số 74 ngày 27 tháng 5 năm 2009);*
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Huệ